

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Y KHOA

MÃ NGÀNH: 7720101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-NTT ngày 01 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Medicine

+ Tên tiếng Việt: Y khoa

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khóa học áp dụng: từ khóa 2021

Thời gian đào tạo (dự kiến): 6 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp

+ Tên tiếng Việt: Bằng Bác sĩ y khoa ngành Y khoa

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Medicine in Medicine

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Y

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 6, 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4.

Tp. HCM

+ Điện thoại liên lạc: 028 626 19445 (188)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

➤ Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021 theo tổ hợp môn.

➤ Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:

○ Tổng *ĐTB 1 HK lớp 10 + ĐTB 1 HK lớp 11 + ĐTB 1 HK lớp 12* đạt từ 18 trở lên

(được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)

- Tổng ĐTB 5 HK: *ĐTB_HK1 lớp 10+ ĐTB_HK2 lớp 10+ ĐTB_HK1 lớp 11+ ĐTB_HK2 lớp 11+ ĐTB_HK1 lớp 12* đạt từ 30 trở lên.
- Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
- Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
- Phương thức 3: Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM từ 550 điểm trở lên.
- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.

3. Các điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định số 882/QĐ-NTT ngày 29/07/2021 về việc công bố chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với các ngành đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

4. Thang điểm: 10

- Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10
- Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây:

+ Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B: từ 7,0 đến 8,4;

C: từ 5,5 đến 6,9;

D: từ 4,0 đến 5,4.

+ Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

+ Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

- Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

- Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

II. NĂNG LỰC CẦN ĐẠT CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP, MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes - GAs)

- GA1: Kỹ năng khám bệnh phát hiện các hội chứng lâm sàng;
- GA2: Kỹ năng chẩn đoán bệnh dựa theo kết quả lâm sàng và cận lâm sàng;
- GA3: Kỹ năng điều trị bệnh và giáo dục sức khỏe;
- GA4: Kỹ năng nghiên cứu khoa học.

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Programe Educational Objectives – PEOs)

- PEO1: Kỹ năng khám và điều trị các bệnh lý theo chuyên khoa;
- PEO2: Kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhân và đồng nghiệp;
- PEO3: Kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn;
- PEO4: Kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập.

3. Kết quả học tập mong đợi /Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes - ELOs)

Kiến thức:

- ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực y khoa.
- ELO2 (K2): Nắm vững các môn khoa học đại cương, khoa học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;
- ELO3 (K3): Hiểu biết nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và các yếu tố tiên lượng bệnh để chẩn đoán và phân nhóm mức độ nặng của bệnh;
- ELO4 (K4): Nắm được cách điều trị bệnh theo chuyên khoa và giáo dục sức khỏe.

Kỹ năng

- ELO5 (S1) Kỹ năng giao tiếp tốt với người bệnh trong mọi hoàn cảnh;
- ELO6 (S2) Kỹ năng phân tích các biểu hiện lâm sàng và kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán bệnh chính xác;
- ELO7 (S3) Kỹ năng điều trị toàn diện theo chuyên khoa, quản lý sức khỏe theo chương trình các bệnh mạn tính;
- ELO8 (S4) Kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn.

Thái độ

- ELO9 (A1) Thể hiện tư cách và thái độ đúng đắn với người bệnh, tuân thủ 12 điều y đức;
- ELO10 (A2) Tận tụy trong nghề nghiệp, hết lòng phục vụ người bệnh, tuân thủ qui định của ngành Y;
- ELO11 (A3) Tôn trọng và hợp tác với các đồng nghiệp, làm việc theo nhóm;
- ELO12 (A4) Trung thực, khách quan trong nghề nghiệp và trong nghiên cứu khoa học.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (*program ideas*)

- Đổi mới chương trình phải dựa trên cơ sở khoa học, y học chứng cứ và thực tiễn trong giáo dục y khoa của các nước tiên tiến...

- Đảm bảo cơ sở vật chất và các điều kiện dạy học là điều kiện quan trọng không thể thiếu, đảm bảo chất lượng dạy và học theo chương trình đổi mới.

- Nội dung của chương trình đào tạo đổi mới có một số đặc điểm chính như sau:

+ Tăng chương trình thực hành, đặc biệt là chương trình thực hành bệnh viện và thực hành cộng đồng (thời lượng thực hành chiếm khoảng 55.4%).

+ Dạy và học theo nguyên tắc tích hợp hệ thống.

+ Sinh viên được tiếp xúc với vấn đề sức khỏe, bệnh tật, bệnh nhân và cơ sở y tế sớm, ngay từ năm thứ nhất.

+ Tăng số học phần hoặc module tự chọn.

+ Tăng cường giáo dục về thái độ, đạo đức nghề nghiệp.

+ Tăng cường cập nhật kiến thức mới, hiện đại, song song với việc tránh trùng lặp chương trình giảng dạy.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1	1. Triệu chứng học	40	155	64%
	2. Điều dưỡng cơ bản			
	3. Hệ tim mạch			
	4. Hệ hô hấp			
	5. Huyết học và miễn dịch- dị ứng			
	6. Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa			
	7. Hệ niệu và cân bằng nội mô			
	8. Hệ thần kinh và hành vi			
	9. Hệ nội tiết và chuyển hóa (MODULE)			
	10. Hệ vận động (MODULE)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	11. Dược lý đại cương			
	12. Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản			
	13. Sơ sinh, trẻ em và vị thành niên			
	14. Tâm lý và đạo đức y học			
	15. Tâm thần			
	16. Ung thư			
	17. Gây mê hồi sức			
	18. Răng hàm mặt			
	19. Tai mũi họng			
	20. Nhãn khoa			
	21. Lao			
	22. Thần kinh			
	23. Da liễu			
	24. Truyền nhiễm			
	25. Phẫu thuật thực hành			
	26. Phục hồi chức năng			
	27. Y học cổ truyền			
	28. Hồi sức cấp cứu			
	29. Lão khoa và bệnh tật nguyên			
	30. Pháp y			
	31. Kỹ năng y khoa			
	32. Nội khoa 1			
	33. Nội khoa 2			
	34. Ngoại khoa 1			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	35. Ngoại khoa 2			
	36. Nhi 1			
	37. Nhi 2			
	38. Sản 1			
	39. Sản 2			
	40. Da và giác quan			
	41. Chẩn đoán hình ảnh	12	25	10.3%
GA2	42. Lý sinh			
	43. Hóa đại cương			
	44. Sinh học và di truyền			
	45. Sinh học tế bào và phân tử			
	46. Vi sinh-Kí sinh trùng			
	47. Giải phẫu đại cương			
	48. Giải phẫu bệnh đại cương			
	49. Mô phôi đại cương			
	50. Sinh lý đại cương			
	51. Sinh lý bệnh đại cương			
	52. Hóa sinh đại cương			
GA3	53. Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	17	37	15.3%
	54. Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y			
	55. Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y			
	56. Tiếng Anh chuyên ngành 1			
	57. Tiếng Anh chuyên ngành 2			
	58. Tin học MOS 1			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	59. Kỹ năng giao tiếp y khoa 1			
	60. Kỹ năng giao tiếp y khoa 2			
	61. Sức khỏe và bệnh tật			
	62. Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp			
	63. Dân số học			
	64. Dịch tễ học			
	65. Truyền thông - Giáo dục sức khỏe			
	66. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm			
	67. Y học quốc phòng			
	68. Thực tập cộng đồng			
	69. Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề YTCC			
GA4	70. Xác suất thống kê y học	3	12	5%
	71. Phương pháp nghiên cứu khoa học			
	72. Khóa luận tốt nghiệp			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 242 tín chỉ (Chưa bao gồm GDTC và GDQP)

Trong đó:

- Kiến thức đại cương : 38 tín chỉ Tỉ lệ: 15.7%
- Kiến thức chuyên nghiệp : 196 tín chỉ Tỉ lệ: 81.0%
 - + Kiến thức cơ sở ngành : 91 tín chỉ Tỉ lệ: 37.6%
 - + Kiến thức chuyên ngành : 105 tín chỉ Tỉ lệ: 43.4%
- Thực tập/ Khóa luận tốt nghiệp : 8 tín chỉ Tỉ lệ: 3.3%

4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN	SỐ TIẾT	Môn học	Hình thức
----	----	--------------	-----	---------	---------	-----------

	SỐ		CHỈ	LT	TH	trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	giảng dạy
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		38	450	240		
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	45	0		Elearning
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	30	0	075580 (a)	Elearning
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	075581 (a)	Elearning
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	0	075582 (a)	Elearning
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	075583 (a)	Elearning
6	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	77	72		Lý thuyết và thực thực hành
7	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	15	90		Lý thuyết và thực hành
8	070245	Xác suất thống kê y học	2	30	0		Lý thuyết
9	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	0	60		Thực hành
10	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	30	30		Lý thuyết và thực hành
11	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3	30	30		Lý thuyết và thực hành
12	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	30	30		
13	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	30	30		
14	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	30	30		
15	074158	Y học quốc phòng	2	30	0		Lý thuyết
16	076571	Kỹ năng giao tiếp y khoa 1	2	30	0		Lý thuyết
17	076572	Kỹ năng giao tiếp y khoa 2	2	30	0		
18	074163	Hóa đại cương	2	15	30		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
							và thực hành
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		196	1545	2790		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		91	975	780		
	Bắt buộc:		89	945	780		
1	073357	Lý sinh	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
2	074159	Sinh học và di truyền	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
3	074160	Giải phẫu đại cương	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
4	074166	Giải phẫu bệnh đại cương	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
5	074168	Mô phôi đại cương	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
6	074165	Vi sinh - ký sinh trùng	3	30	30		Lý thuyết và thực hành
7	074161	Sinh lý đại cương	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
8	074170	Hóa sinh đại cương	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
9	074167	Sinh lý bệnh đại cương	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
10	074187	Dân số học	1	15	0		Lý thuyết
11	074171	Sức khỏe và bệnh tật	2	30	0		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
12	074186	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
		Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề y tế công cộng					
13	074215		2	30	0		Lý thuyết
14	074188	Dịch tễ học	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
15	074201	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	1	15	0		Lý thuyết
16	074189	Chẩn đoán hình ảnh	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
17	074162	Dược lý đại cương	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
18	074185	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30	0		Lý thuyết
19	074176	Huyết học và miễn dịch - dị ứng	4	45	30		Lý thuyết và thực hành
20	074177	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa	4	45	30		Lý thuyết và thực hành
21	074178	Hệ niệu và cân bằng nội mô	4	45	30		Lý thuyết và thực hành
22	074179	Hệ nội tiết và chuyển hóa	4	45	30		Lý thuyết và thực hành
23	074180	Hệ vận động	4	45	30		Lý thuyết và thực hành
24	074181	Hệ thần kinh và hành vi	4	45	30		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
							và thực hành
25	074182	Da và các giác quan	4	45	30		Lý thuyết và thực hành
26	074183	Hệ sinh dục, Thai nghén và sinh sản	4	45	30		Lý thuyết và thực hành
27	074184	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên	6	75	30		Lý thuyết và thực hành
28	074173	Tâm lý và đạo đức y khoa	1	15	0		Lý thuyết
29	074198	Pháp Y	1	15	0		Lý thuyết
30	074213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0		Lý thuyết
31	074164	Sinh học tế bào và phân tử	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
32	076146	Hệ tim mạch	4	45	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
33	074175	Hệ hô hấp	4	45	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
34	074172	Điều dưỡng cơ bản	2	15	30		Lý thuyết và thực hành
	Tự chọn		2	30	0		
1	074894	Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế	2	30	0		Lý thuyết
2	074895	Quản lý dự án	2	30	0		Lý thuyết
3	074898	Y học hạt nhân	2	30	0		Lý thuyết
4	074901	Công nghệ tế bào gốc	2	30	0		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
II.2	Kiến thức chuyên ngành		105	570	2010		
1	076578	Kỹ năng y khoa	4	30	60		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
2	076579	Triệu chứng học	8	60	120		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
3	074207	Nội khoa 1	8	30	180		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
4	074211	Hồi sức cấp cứu	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
5	073378	Phẫu thuật thực hành	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
6	074209	Ngoại khoa 1	8	30	180		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
7	074214	Nhi 1	8	30	180		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
8	074212	Sản 1	8	30	180		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
9	074208	Lão khoa và bệnh tật nguyên	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
							viện
10	074195	Truyền nhiễm	3	30	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
11	074196	Lao	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
12	074197	Thần kinh	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
13	074202	Tâm thần	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
14	074199	Nhãn khoa	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
15	074190	Tai mũi họng	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
16	074191	Răng hàm mặt	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
17	074192	Da liễu	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
18	074193	Gây mê hồi sức	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
							viện
19	074200	Ung thư	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
							viện
20	074203	Y học cổ truyền	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
21	074204	Phục hồi chức năng	2	15	30		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
22	074206	Thực tập cộng đồng	2	0	60		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
23	074217	Ngoại khoa 2	8	30	180		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
24	074218	Sản 2	6	30	120		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
25	074219	Nhi 2	6	30	120		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
26	074216	Nội khoa 2	8	30	180		Lý thuyết và thực hành bệnh viện
III	TỐT NGHIỆP		8	0	240		
1	074220	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận	8	0	240		Thực tập

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
		tốt nghiệp					bệnh viện

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			12	
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	075580 (a)
3	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	
4	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
5	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	
6	074163	Hóa đại cương	2	
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	
HỌC KỲ 2			17	
1	076571	Kỹ năng giao tiếp y khoa 1	2	
2	074159	Sinh học và di truyền	2	
3	070245	Xác suất thống kê y học	2	
4	075582	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	075581 (a)
5	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3	
6	074164	Sinh học tế bào và phân tử	2	
7	073357	Lý sinh	2	
8	074158	Y học quốc phòng	2	
HỌC KỲ 3			16	
1	075583	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	075582 (a)
2	076572	Kỹ năng giao tiếp y khoa 2	2	
3	074160	Giải phẫu đại cương	2	
4	074166	Giải phẫu bệnh đại cương	2	
5	074168	Mô phôi đại cương	2	
6	074165	Vi sinh - ký sinh trùng	3	
7	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	
HỌC KỲ 4			17	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075583 (a)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
2	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	
3	074161	Sinh lý đại cương	2	
4	074170	Hóa sinh đại cương	2	
5	074172	Điều dưỡng cơ bản	2	
6	074187	Dân số học	1	
7	074171	Sức khỏe và bệnh tật	2	
8	074188	Dịch tễ học	2	
9	074201	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	1	
HỌC KỲ 5			17	
1	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	
2	074189	Chẩn đoán hình ảnh	2	
3	074162	Dược lý đại cương	2	
4	074185	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	
5	074167	Sinh lý bệnh đại cương	2	
6	076578	Kỹ năng y khoa	4	
7	074215	Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề y tế công cộng	2	
HỌC KỲ 6			14	
1	076146	Hệ tim mạch	4	
2	074175	Hệ hô hấp	4	
3	074177	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa	4	
4	074186	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	2	
HỌC KỲ 7			20	
1	074176	Huyết học và miễn dịch - dị ứng	4	
2	076579	Triệu chứng học	8	
3	074178	Hệ niệu và cân bằng nội mô	4	
4	074179	Hệ nội tiết và chuyển hóa	4	
HỌC KỲ 8			12	
1	074180	Hệ vận động	4	
2	074181	Hệ thần kinh và hành vi	4	
3	074182	Da và các giác quan	4	
HỌC KỲ 9			10	
1	074184	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên	6	
2	074183	Hệ sinh dục, Thai nghén và sinh sản	4	
HỌC KỲ 10			12	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
1	074207	Nội khoa 1	8	
2	074211	Hồi sức cấp cứu	2	
3	073378	Phẫu thuật thực hành	2	
HỌC KỲ 11			16	
1	074209	Ngoại khoa 1	8	
2	074214	Nhi 1	8	
HỌC KỲ 12			10	
Bắt buộc				
1	074212	Sản 1	8	
Tự chọn			2	
1	074894	Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế	2	
2	074895	Quản lý dự án	2	
3	074898	Y học hạt nhân	2	
4	074901	Công nghệ tế bào gốc	2	
HỌC KỲ 13			13	
1	074208	Lão khoa và bệnh tật nguyên	2	
2	074195	Truyền nhiễm	3	
3	074196	Lao	2	
4	074197	Thần kinh	2	
5	074202	Tâm thần	2	
6	074200	Ung thư	2	
HỌC KỲ 14			10	
1	074190	Tai mũi họng	2	
2	074191	Răng hàm mặt	2	
3	074192	Da liễu	2	
4	074193	Gây mê hồi sức	2	
5	074199	Nhãn khoa	2	
HỌC KỲ 15			10	
1	074213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2	074173	Tâm lý và đạo đức y khoa	1	
3	074198	Pháp Y	1	
4	074203	Y học cổ truyền	2	
5	074204	Phục hồi chức năng	2	
6	074206	Thực tập cộng đồng	2	
HỌC KỲ 16			14	
1	074217	Ngoại khoa 2	8	
2	074218	Sản 2	6	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 17			14	
1	074219	Nhi 2	6	
2	074216	Nội khoa 2	8	
HỌC KỲ 18			8	
1	074220	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	8	

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/học phần vào Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng không liên quan đến Chuẩn đầu ra.

S (Support): Có đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn dạy kiến thức/kỹ năng làm cơ sở cho việc đạt được Chuẩn đầu ra.

H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy kiến thức/kỹ năng thực hành các yêu cầu của Chuẩn đầu ra ở mức cơ bản hay nâng cao.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
6	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
7	070023	Giáo dục thể chất	5	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
		(*)														
8	070245	Xác suất thống kê y học	2	H	N	N	N	S	N	N	N	S	N	N	N	3
9	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	N	N	3
10	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
11	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
12	07658	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
13	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
14	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
15	074158	Y học quốc	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
		phòng														
16	076571	Kỹ năng giao tiếp y khoa 1	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	N	N	5
17	076572	Kỹ năng giao tiếp y khoa 2	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	N	N	5
18	074163	Hóa đại cương	2	S	N	N	N	N	N	S	N	N	N	N	N	2
19	073357	Lý sinh	2	N	S	N	N	N	H	H	N	N	N	N	N	3
20	074159	Sinh học và di truyền	2	N	H	N	S	S	N	N	N	N	N	N	N	3
21	074160	Giải phẫu đại cương	2	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
22	074166	Giải phẫu bệnh đại cương	2	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
23	074168	Mô phôi đại cương	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
24	074165	Vì sinh - ký sinh trùng	3	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
25	074161	Sinh lý đại cương	2	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
26	074170	Hóa sinh đại cương	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
27	074167	Sinh lý bệnh đại cương	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	
28	074187	Dân số học	1	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
29	074171	Sức khỏe và bệnh tật	2	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
30	074186	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
31	074215	Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề y tế công cộng	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
32	074188	Dịch tễ học	2	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
33	074201	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	1	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
34	074189	Chẩn đoán hình ảnh	2	H	N	H	S	N	N	N	N	N	N	N	N	3
35	074162	Dược lý đại cương	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
36	074185	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực	2	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	
37	074176	phẩm Huyết học và miễn dịch - dị ứng	4	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
38	074177	Đinh dưỡng và hệ tiêu hóa	4	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
39	074178	Hệ niệu và cân bằng nội mô	4	S	S	H	N	N	N	N	N	N	N	N	N	3
40	074179	Hệ nội tiết và chuyển hóa	4	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
41	074180	Hệ vận động	4	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
42	074181	Hệ thần kinh và hành vi	4	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
43	074182	Dạ và các giác quan	4	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
44	074183	Hệ sinh dục, Thai nghén và sinh sản	4	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
45	074184	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên	6	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
46	074173	Tâm lý và đạo đức y khoa	1	N	H	N	S	S	N	N	S	S	S	S	S	8

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
47	074198	Pháp Y	1	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
48	074213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
		Sinh học tế bào và phân tử	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
50	074174	Hệ tim mạch	5	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
51	074175	Hệ hô hấp	4	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
52	074172	Điều dưỡng cơ bản	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
53	074894	Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế	2	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
54	074895	Quản lý dự án	2	H	N	H	S	N	N	N	N	N	N	N	N	3
55	074898	Y học hạt nhân	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
56	074901	Công nghệ tế bào gốc	2	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
57	076579	Triệu chứng học	8	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
58	074207	Nội khoa 1	8	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
59	074211	Hồi sức cấp cứu	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	
60	073378	Phẫu thuật thực hành	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
61	074209	Ngoại khoa 1	8	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
62	074214	Nhi 1	8	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
63	074212	Sản 1	8	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
64	074208	Lão khoa và bệnh tật nguyên	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
65	074195	Truyền nhiễm	3	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
66	074196	Lao	2	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
67	074197	Thần kinh	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
68	074202	Tâm thần	2	N	S	N	N	N	H	S	N	N	N	N	N	3
69	074199	Nhãn khoa	2	N	H	N	S	S	N	N	S	N	N	N	N	4
70	074190	Tai mũi họng	2	S	N	S	N	N	N	S	N	N	N	N	N	3
71	074191	Răng hàm mặt	2	H	N	N	S	S	N	S	S	N	N	N	N	5
72	074192	Da liễu	2	N	S	N	N	N	H	N	N	N	N	N	N	2
73	074193	Gây mê hồi sức	2	N	H	N	S	S	S	S	S	N	N	N	N	6
74	074200	Ung thư	2	S	N	S	N	N	S	N	N	N	N	N	N	3
75	074203	Y học cổ truyền	2	H	N	N	S	S	S	S	S	N	N	N	N	6
76	074204	Phục hồi chức năng	2	N	S	N	N	N	H	N	N	N	N	N	N	2
77	074206	Thực tập cộng đồng	2	N	H	N	S	S	H	S	S	N	N	N	N	6
78	074217	Ngoại	8	N	H	N	S	S	N	S	S	N	N	N	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
		khoa 2														
79	074218	Sản 2	6	S	N	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N	2
80	074219	Nhi 2	6	H	N	N	S	S	N	S	S	N	N	N	N	5
81	074216	Nội khoa 2	8	S	S	S	N	N	H	N	N	N	N	N	N	4
82	076578	Kỹ năng y khoa	4	H	S	H	S	S	S	H	S	N	N	N	N	8
83	074220	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	8	H	H	H	H	S	S	H	H	N	N	N	N	8
Tổng (%)				52 (15.9)	35 (10.6)	21 (6.4)	35 (10.6)	49 (14.9)	36 (10.9)	33 (10.0)	32 (9.7)	17 (5.2)	17 (5.2)	1 (0.3)	1 (0.3)	329 (100)

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Triết học Mác – Lê nin: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Chủ nghĩa Xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

Tin học MOS 1 (Windows, Word): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách

sử dụng Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

Tiếng Anh tổng quát 1- Ngành Y: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về tiếng Anh thông qua các bài hội thoại đơn giản, các bài tập có cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản để có thể diễn đạt một số chủ đề về giao tiếp hàng ngày. Qua đó, người học có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.

Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này nhằm rèn luyện thêm cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về ngôn ngữ trên bình diện ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng qua các hoạt động giao tiếp, tương tác trong lớp học, cũng như qua nhiều dạng bài tập giúp người học củng cố kiến thức ngôn ngữ và sử dụng hiệu quả trong giao tiếp nhằm diễn đạt một số chủ đề thường gặp

Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này nhằm giúp người học hiểu và nắm vững những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ về kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phương pháp nghiên cứu khoa học cần thiết để tiến hành nghiên cứu thực nghiệm hoặc làm các đề án nhỏ trong lớp học. Với học phần này, người học có thể lĩnh hội kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu như nguyên tắc, loại hình, phương pháp, và các thao tác nghiên cứu cơ bản như viết tổng quan nghiên cứu và viết đề cương sơ bộ, cũng như viết nghiên cứu khoa học hay luận văn tốt nghiệp sau này.

Tiếng Anh chuyên ngành 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Medical Communication

Học phần này giúp sinh viên giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh với bệnh nhân và thân nhân của họ, có thể trao đổi kiến thức công việc với đồng nghiệp và chuyên gia. Đồng thời, sinh viên có thể làm quen với việc đọc tài liệu qua văn bản báo chí, tài liệu khoa học.

Tiếng Anh chuyên ngành 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Medical Terminology

Học phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ y khoa bằng tiếng Anh trong chương trình giải phẫu đại cương nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng trong môi trường làm việc như viết toa thuốc, bệnh án, xử lý lượng thông tin, các bài báo liên quan đến chuyên ngành.

Kỹ năng giao tiếp y khoa 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Trong môn học này, các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp hiệu quả trong thực hành y tế sẽ được thảo luận và một số tình huống giao tiếp đặc biệt được nêu bật. Các phương pháp dạy học kỹ năng giao tiếp sẽ được thảo luận, chú ý đến một số phương pháp được sử dụng ở các nước có nền y khoa phát triển.

Kỹ năng giao tiếp y khoa 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Trong môn học này, các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp hiệu quả trong thực hành y tế sẽ được thảo luận và một số tình huống giao tiếp đặc biệt được nêu bật.

Các phương pháp dạy học kỹ năng giao tiếp sẽ được thảo luận, chú ý đến một số phương pháp được sử dụng ở các nước có nền y khoa phát triển.

Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

Nội dung: Gồm 2 nội dung

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và thể tự vệ.

Giáo dục quốc phòng – an ninh: 08 tín chỉ

Nội dung: Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Y học quốc phòng: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức liên quan đến vấn đề y tế, quân sự, mối liên quan chiến lược giữa phát triển y tế gắn với đảm bảo quốc phòng – an ninh.

Xác suất Thống kê y học: 2 tín chỉ

Nội dung: Bao gồm một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

Lý sinh: 2 tín chỉ

Nội dung: Bao gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

Hóa đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Bao gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

Sinh học và di truyền: 2 tín chỉ

Nội dung: Các vấn đề di truyền cơ bản và ứng dụng để giải thích tính di truyền của các bệnh di truyền thường gặp: phân loại các bệnh di truyền, đột biến gen, đột biến

nhiệm sắc thể gây bệnh (các bệnh đơn gen, các bệnh nhiễm sắc thể, bệnh ty thể, bệnh đột biến về tế bào sinh dưỡng, bệnh di truyền đa yếu tố). Các chủ đề được nhấn mạnh bao gồm di truyền các bệnh chuyển hóa, các bệnh huyết học, di truyền ung thư, dị dạng bẩm sinh, di truyền trong sản phụ khoa, di truyền các bệnh mãn tính (bệnh mạch vành, bệnh đái tháo đường, các bệnh tâm thần...); tư vấn di truyền và các vấn đề luật pháp có liên quan. Các kỹ thuật chẩn đoán, điều trị bệnh di truyền, kể cả nguyên tắc điều trị gen.

Sinh học tế bào và phân tử: 2 tín chỉ

Nội dung: Module này bao gồm các kiến thức về sinh học đại cương, sinh học tế bào, sinh học phân tử, di truyền người. Nội dung chính của module là cấu tạo phân tử của cơ thể sống, các quá trình, quy luật và cơ chế sinh học cơ thể người, các định đề trung tâm về gen, protein, tổ chức cơ thể ở mức phân tử, tế bào, sự liên kết và thông tin giữa các tế bào, các cấu trúc vi thể, siêu vi thể. Một số chuyên đề đặc biệt: tính đa hình, trí nhớ và cơ chế bệnh có liên quan đến trí nhớ, các công cụ nghiên cứu sinh học phân tử và sinh học tế bào; khái niệm về bệnh học phân tử.

Vi sinh-Kí sinh trùng: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học về các đặc điểm: hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học. Môi quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật. Các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh. Các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

Học phần Ký sinh trùng sẽ giảng cho sinh viên về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo cơ của ký sinh trùng. Đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm dịch tễ KST ở Việt Nam. Phân tích đặc điểm bệnh học và tác hại do KST và bệnh ký sinh trùng. Phân tích mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khoẻ cộng đồng. Giới thiệu một số phương pháp chẩn đoán bệnh KST và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng trong ký sinh trùng. Các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

Giải phẫu đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức về đặc điểm giải phẫu, cấu tạo chức năng của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người, liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu và những môn học điều dưỡng lâm sàng.

Giải phẫu bệnh đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên sẽ được học các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý. Nhận định được mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh. Vận dụng kiến thức đã học cả về lý thuyết và thực hành để xác định chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở Việt Nam, tìm hiểu nguyên nhân để đóng góp cho việc điều trị, phòng bệnh cũng như chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

Mô phôi đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Mô tả được sự hình thành và phát triển của phôi người từ khi thụ tinh đến giai đoạn hình thành mầm các cơ quan. Mô tả được sự hình thành và phát triển, cấu tạo

và chức năng của các bộ phận phụ của phôi thai người. Mô tả được sự hình thành và phát triển của một số cơ quan.

Sinh lý đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Khi học môn học này sinh viên sẽ có khả năng: trình bày sinh lý hệ thống các cơ quan trong cơ thể. Thực hành một số kỹ năng tại phòng thí nghiệm. Mô tả được các hoạt động chủ yếu.

Sinh lý bệnh đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung để vận dụng vào thực hành lâm sàng. So sánh phân biệt bản chất và hiện tượng trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học trên cơ sở phân tích và tổng hợp các hiện tượng bệnh lý. Giải thích và mô tả về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch. Các giai đoạn, các yếu tố tham gia sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể. Vai trò của hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và hệ thống miễn dịch đặc hiệu (miễn dịch thể dịch và miễn dịch qua trung gian tế bào) trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể. Những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn

Hóa sinh đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh học bao gồm: Các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh hoạt và chuyển hóa năng lượng. Quan sát thực hiện và hiểu được ý nghĩa của một số xét nghiệm cơ bản về hóa sinh lâm sàng. vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

Sức khỏe và bệnh tật: 2 tín chỉ

Nội dung: Khái niệm về con người, sức khỏe bệnh tật, chất lượng cuộc sống, về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội mà con người tồn tại, các yếu tố quyết định sức khỏe, các nguyên nhân gây bệnh. Thực trạng sức khỏe và bệnh tật của con người Việt Nam (có so sánh với các nước tiên tiến), mô hình và gánh nặng bệnh tật. Trách nhiệm của xã hội và của ngành y tế trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân, dân số và chất lượng dân số. Luật, chính sách có liên quan đến sức khỏe và bệnh tật.

Dịch tễ học: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chọn các số đo và phương pháp dịch tễ thích hợp để mô tả, phân tích xác định được các yếu tố nguy cơ gây bệnh và nêu được các giải pháp can thiệp phòng ngừa bệnh tật có hiệu quả nhất.

Dân số học: 1 tín chỉ

Nội dung: Gồm giới thiệu về những khái niệm cơ bản và vai trò của dân số học trong y học cộng đồng, chọn, thiết lập và sử dụng được các chỉ số dân số để lượng giá việc chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Truyền thông và Giáo dục sức khỏe: 1 tín chỉ

Nội dung: Gồm giới thiệu về khái niệm giáo dục và nâng cao sức khỏe, các phương pháp giáo dục sức khỏe và lập được kế hoạch giáo dục sức khỏe.

Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết các vấn đề YTCC: 2 tín chỉ

Nội dung: Gồm các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận tổ chức tổ chức y tế quản lý và quản lý y tế, hệ thống tổ chức y tế Việt Nam, quan điểm y tế và chức năng nhiệm vụ các cấp trong hệ thống y tế Việt Nam.

Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm: 2 tín chỉ

Nội dung: Gồm giới thiệu về dinh dưỡng và tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe và bệnh tật, các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm và thực trạng của Việt Nam.

Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Gồm giới thiệu về vấn đề sức khỏe và bệnh tật của con người, bệnh nghề nghiệp có một mối liên hệ mật thiết giữa sức khỏe và môi trường.

Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung: Gồm các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực Y sinh học, nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế các loại nghiên cứu dịch tễ học và nghiên cứu thực nghiệm, một số kỹ năng cơ bản trong thu thập và xử lý số liệu. Viết báo cáo tổng kết, trình bày các kết quả nghiên cứu tại hội nghị.

Tâm lý và đạo đức y khoa: 1 tín chỉ

Nội dung: Gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

Điều dưỡng cơ bản: 2 tín chỉ

Nội dung: Điều dưỡng cơ bản là môn học về các nội dung hoạt động chăm sóc của người điều dưỡng. Mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, trình bày cách xử với từng tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí thành thạo các tình huống sơ cứu thông thường.

Triệu chứng học: 8 tín chỉ

Nội dung: Gồm các hoạt động chủ yếu, các chức năng chính của cơ quan, hệ thống cơ thể trong các tình trạng bệnh lý thường gặp, các cơ chế bệnh sinh của các tình trạng bệnh lý nhằm hỗ trợ cho việc chẩn đoán, điều trị, biện luận xét nghiệm và tư vấn.

Dược lý đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Gồm cơ chế tác dụng, áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm, những độc tính của thuốc và nguyên tắc khi xử trí khi nhiễm độc thuốc, kê được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng chuyên môn, đúng pháp lý.

Hệ tim mạch: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm cấu tạo và chức năng bình thường của hệ thống tim mạch, cách chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thiếu máu, đông cầm máu.

Hệ hô hấp: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm giới thiệu từ hình thái và chức năng của hệ hô hấp đến bệnh học và điều trị về bệnh đường hô hấp, bên cạnh đó cũng giới thiệu về công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu trong cộng đồng về bệnh đường hô hấp.

thư

Huyết học, miễn dịch và dị ứng: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm các thành phần, cấu tạo và chức năng của các tế bào máu, sự cầm máu, các tình huống hay gặp liên quan đến truyền máu và các bệnh về máu, một số chất chống đông hay dùng và tác dụng của chúng, miễn dịch học đại cương, miễn dịch tế bào, miễn dịch dịch thể, bệnh tự miễn, miễn dịch ghép, miễn dịch di truyền miễn dịch trị liệu trong ung thư. Dị ứng: nội dung gồm các khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn. Cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng: sốc phản vệ, cơ hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù Quincks... Hướng dẫn được cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.

Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung môn học bao gồm việc tìm hiểu các chức năng của đường tiêu hóa cũng như các bệnh lý của chúng và vai trò của dinh dưỡng trong vấn đề sức khỏe và bệnh tật.

Hệ niệu và cân bằng nội môi: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm kiến thức về giải phẫu học của thận, vai trò của thận trong việc duy trì hằng định nội mô ở dịch ngoại bào, các phương pháp đánh giá chức năng thận, chức năng nội tiết của thận và việc thích nghi của thận trong trường hợp suy thận.

Hệ nội tiết và chuyển hóa: 4 tín chỉ

Nội dung: Môn học giới thiệu một hệ thống điều hòa các hoạt động của cơ thể thông qua các nội tiết tố do các tuyến nội tiết tiết ra, giới thiệu chi tiết từ mô học, sinh lý đến các rối loạn của các tuyến nội tiết cũng như mối liên quan của các tuyến này với nhau; những bệnh lý nội tiết thường gặp từ triệu chứng học đến nguyên tắc điều trị và dự phòng.

Hệ vận động: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm giới thiệu từ cấu trúc chức năng đến bệnh học, hướng điều trị và dự phòng những bệnh của hệ vận động thường gặp.

Hệ thần kinh và hành vi: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm các cấu trúc và chức năng của hệ thần kinh và vai trò của hệ thần kinh trong vấn đề sức khỏe và bệnh tật.

Da và các giác quan: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm các cấu trúc và chức năng của da và các giác quan và vai trò của da và các giác quan trong vấn đề sức khỏe và bệnh tật.

Hệ sinh dục, thai nghén và sinh đẻ: 4 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm giới thiệu một cách hệ thống về giải phẫu, mô và phôi thai học, sinh lý thận-tiết niệu cũng như sinh lý sinh dục nam, nữ; bệnh lý thận tiết niệu thường gặp. Các vấn đề phụ khoa và sản khoa cơ sở, một số bệnh phụ sản thường gặp, các nguyên tắc chẩn đoán và xử lý bệnh.

Sơ sinh, trẻ em và vị thành niên: 6 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm nhận định và đánh giá được sự phát triển trẻ em qua các thời kỳ; thực hiện được công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và theo dõi sức khỏe trẻ em ở cơ sở, phát hiện và xử trí được các bệnh lý cấp cứu và các bệnh thông thường, thường gặp ở trẻ em; hướng dẫn các bà mẹ chăm sóc sức khỏe trẻ em, Thực hiện các chương trình y tế quốc gia.

Truyền Nhiễm: 3 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm các triệu chứng lâm sàng thể điển hình của các bệnh truyền nhiễm thông thường và các thể lâm sàng, biến chứng của bệnh, các xét nghiệm để xác định chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp, thể điển hình. Giới thiệu các biện pháp phòng một số bệnh truyền nhiễm phổ biến. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng

Lao: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm tình hình bệnh lao hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới. Các triệu chứng lâm sàng nghi lao, nguyên tắc và phác đồ điều trị lao trong chương trình chống lao Quốc gia. Sự ảnh hưởng của bệnh lao trong cộng đồng, các biện pháp phòng ngừa lao, chẩn đoán một số thể lao điển hình thường gặp. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Da liễu: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm các thương tổn cơ bản của các bệnh da liễu thông thường. Điều trị và phòng chống các bệnh da liễu thường gặp ở tuyến cơ sở. Các nội dung cơ bản của chương trình phòng chống bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Thần kinh: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp; chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng cơ bản trong thần kinh: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thắt lưng hông... Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Tâm thần: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm các khái niệm sức khỏe tâm thần, các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần hiện nay. Các biểu hiện triệu chứng, hội chứng học trong thực hành tâm thần học, xử trí các trạng thái cấp cứu trong tâm thần. Tổ chức chăm sóc, theo dõi bệnh nhân ở cộng đồng; Các phương pháp điều trị, dự phòng các rối loạn tâm thần. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh

Nhãn khoa: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm giải phẫu và sinh lý mắt và thị giác, triệu chứng, cách phát hiện, chẩn đoán, điều trị

một số bệnh mắt thông thường; Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Tai mũi họng: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm dịch tễ học là nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh tai mũi họng thông thường. Chẩn đoán và xử trí một số bệnh TMH thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp; chẩn đoán định hướng, xử trí cấp cứu và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đúng tuyến chuyên khoa. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Răng hàm mặt: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm các đặc điểm hình thái và mối quan hệ chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn). Tình hình và phương hướng giải quyết các vấn đề răng miệng ở Việt Nam, nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng miệng phổ biến. Đặc điểm chủ yếu của các nhiễm trùng Răng hàm mặt. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Ung thư: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm các kiến thức cơ bản, đại cương về ung thư. Chẩn đoán sơ bộ một số bệnh ung thư thường gặp ở Việt Nam. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Phục hồi chức năng: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật; các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong phục hồi chức năng: vận động điều trị, giao tiếp, sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng. Sinh viên được học khám chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Gây mê hồi sức: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm kiến thức cơ bản về các phương pháp vô cảm để phẫu thuật, những kiến thức cơ bản về các thuốc sử dụng trong gây mê hồi sức; những tai biến và phiền nạn của các phương pháp vô cảm, Quy tắc chăm sóc và hồi sức bệnh nhân sau phẫu thuật; các phương pháp chống đau sau phẫu thuật và cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Y học cổ truyền: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm những điểm cơ bản và các phương pháp chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền.

Kết hợp y học hiện đại và Y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh thông thường. Các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, thủy châm để điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Chẩn đoán hình ảnh: 2 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm những kiến thức về sự hoạt động của các phương tiện chẩn đoán, ưu và khuyết của từng loại phương tiện chẩn đoán. Chỉ định và chống chỉ định của từng loại phương tiện. Các triệu chứng hình ảnh tới các hội chứng hình ảnh của từng bệnh. Chẩn đoán bệnh trên hình ảnh.

Pháp y: 1 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về y pháp (tử thi học, thương tích học, ngạt, tai nạn, nhiễm độc, y pháp tình dục, phá thai...)

Lão khoa và bệnh tật nguyên: 2 tín chỉ

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm cấu tạo và chức năng bình thường của các hệ thống, cách chẩn đoán và điều trị.

Hồi sức cấp cứu: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dấu hiệu sinh tồn, các phương pháp, thủ thuật trong hồi sức cấp cứu để giải quyết vấn đề sống còn cho bệnh nhân, giúp đưa bệnh nhân ra khỏi cơn nguy kịch. Các kỹ năng và một số thủ thuật trong hồi sức cấp cứu. Cách hồi sức và chăm sóc bệnh nhân sau mổ

Nội khoa 1, 2: 16 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm có cá thể gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt các bệnh lý nội khoa. Nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý nội khoa. Sinh viên được học khám chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Ngoại khoa 1,2: 16 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị chính các bệnh ngoại khoa thường gặp. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Sản 1, 2: 14 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm các triệu chứng, chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường. Chẩn đoán, định hướng và xử trí bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu. Kết hợp với học phần truyền thông – giáo dục sức khỏe và tổ chức quản lý y tế sinh viên có khả năng thực hiện được tư vấn về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng. Các triệu chứng, chẩn đoán một số bệnh phụ khoa thường gặp. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Nhi 1, 2: 14 tín chỉ

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Những đặc điểm giải phẫu và sinh lý chủ yếu các hệ thống và các bộ phận cơ thể trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tính thân và vận động của trẻ em. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em, dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe, Sinh viên được học khám, chẩn đoán điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

Phẫu thuật thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Phẫu thuật thực hành cung cấp kiến thức cũng như các kỹ năng cơ bản (kỹ thuật) để sinh viên khi tới các bệnh viện có thể hiểu được những thủ thuật chính trong mổ xẻ như: các dụng cụ thông thường, cách sử dụng, làm một nút buộc chỉ như thế nào, khâu hay cắt ruột ra sao... Môn học rèn luyện cho sinh viên sự thành thạo trong các động tác cơ bản để làm cơ sở cho thực hành ngoại khoa về sau.

Thực tập cộng đồng: 2 tín chỉ

Nội dung: Đây là chương trình thực hành được thực hiện tại một số cơ sở y tế như trung tâm y tế, bệnh viện huyện. Sinh viên được thực hành khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh thông thường với sự giám sát và hỗ trợ của các bác sĩ bệnh viện và các giảng viên.

Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế: 2 tín chỉ

Nội dung: Đây là học phần tự chọn, nội dung gồm các khái niệm cơ bản về kinh tế, kinh tế y tế; mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển; các bước của quá trình phân tích chi phí. So sánh các mô hình tài chính y tế; phân tích ưu, nhược điểm của viện phí; phân tích khó khăn khi thực hiện bảo hiểm y tế; phân tích chi phí cho một dự án, chi phí hộ gia đình cho sức khỏe; phân tích, lựa chọn, can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.

Quản lý dự án: 2 tín chỉ

Nội dung: Đây là học phần tự chọn, nội dung gồm cung cấp lý thuyết xây dựng, phân tích và quản trị dự án đầu tư; qua đó đề ra các phương pháp để kiểm soát sự án một cách hiệu quả.

Công nghệ tế bào gốc: 2 tín chỉ

Nội dung: Đây là học phần tự chọn, nội dung bao gồm khái niệm về tế bào gốc, phân loại và ứng dụng tế bào gốc trong y khoa; các kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu và ứng dụng tế bào gốc.

Y học hạt nhân: 2 tín chỉ

Nội dung: Đây là học phần tự chọn, nội dung gồm các nguyên lý và ưu điểm của một số phương pháp chẩn đoán y học hạt nhân in vitro như IRMA, RIA và ứng dụng. Cơ chế, nguyên lý và ưu điểm chẩn đoán y học hạt nhân in vitro thường dùng. Sử dụng các kỹ thuật y học hạt nhân thích hợp trong công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành của mình. Cơ chế, nguyên lý và ưu nhược điểm một số phương pháp điều trị

phổ biến bằng y học hạt nhân. Nguyên lý, cơ chế, các biện pháp kiểm soát và an toàn bức xạ.

Kỹ năng y khoa: 4 tín chỉ

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức một số kỹ năng y khoa cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám, kỹ thuật thực hiện thủ thuật y khoa thường gặp khi đi thực hành lâm sàng. Ngoài ra học phần còn tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội thực hiện kỹ năng đã học trên bệnh nhân và làm quen bước đầu với môi trường bệnh viện.

Thi tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên sẽ được thực hành làm khóa luận nghiên cứu khoa học tại bệnh viện và viện nghiên cứu để biết được cấu trúc của một đề tài nghiên cứu sức khỏe, đầu ra của vấn đề sức khỏe.

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

HIỆU TRƯỞNG *du*

(Ký tên và đóng dấu) *du*



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

du
PGS.TS. *Lê Thị Kim Nhung*